



Thị trường các-bon xanh tại Việt Nam

Tiềm năng và thách thức phát triển trong tương lai

Vũ Tấn Phương

Phạm Thu Thủy

Trần Ngọc Mỹ Hoa

Nguyễn Thị Thuỷ Anh

Nguyễn Thị Vân Anh

Tăng Thị Kim Hồng



Thị trường các-bon xanh tại Việt Nam

Tiềm năng và thách thức phát triển trong tương lai

Vũ Tấn Phương

Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững

Phạm Thu Thủy

Đại học Adelaide, Australia - Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR) - Tổ chức Nông lâm Thế giới (ICRAF)

Trần Ngọc Mỹ Hoa

CIFOR-ICRAF

Nguyễn Thị Thuỷ Anh

CIFOR-ICRAF

Nguyễn Thị Vân Anh

CIFOR-ICRAF

Tăng Thị Kim Hồng

Trường Đại học Nông lâm, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo chuyên đề 9

© 2023 CIFOR-ICRAF



Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phát sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

ISBN: 978-9966-108-79-1

DOI: 10.17528/cifor-icraf/009009

Vũ TP, Phạm TT, Trần NMH, Nguyễn TTA, Nguyễn TVA và Tăng TKH. 2023. *Thị trường các-bon xanh tại Việt Nam: Tiềm năng và thách thức phát triển trong tương lai*. Báo cáo chuyên đề 9. Bogor, Indonesia: Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR); Nairobi, Kenya: Tổ chức Nông Lâm Thế Giới (ICRAF).

Bản dịch của: Vu TP, Pham TT, Tran NMH, Nguyen TTA, Nguyen TVA and Tang TKH. 2023. *Blue carbon market in Vietnam: Potential and challenges for future development*. Occasional Paper 8. Bogor, Indonesia: Center for International Forestry Research (CIFOR); and Nairobi, Kenya: World Agroforestry (ICRAF).

Ảnh được chụp bởi Phạm Thu Thủy/CIFOR
Khu bảo tồn đất ngập nước Vân Long, Việt Nam.

CIFOR
Jl. CIFOR, Situ Gede
Bogor Barat 16115
Indonesia
T +62 (251) 8622622
F +62 (251) 8622100
E cifor@cifor-icraf.org

ICRAF
United Nations Avenue, Gigiri
PO Box 30677, Nairobi, 00100
Kenya
T +254 (20) 7224000
F +254 (20) 7224001
E worldagroforestry@cifor-icraf.org

cifor-icraf.org

Tất cả các thiết kế về hình ảnh và tài liệu trong ấn phẩm này không thể hiện bất cứ quan điểm nào của CIFOR-ICRAF, các đối tác hay các nhà tài trợ về các quy định hiện hành của quốc gia.

Mục lục

Danh mục chữ viết tắt	v
Lời cảm ơn	vi
Tóm tắt tổng quan	vii
1 Mở đầu	1
2 Phương pháp nghiên cứu	2
3 Tiềm năng của thị trường các-bon xanh ở Việt Nam	3
3.1 Rừng ngập mặn	4
3.2 Bãi triều	7
3.3 Thảm cỏ biển	8
4 Khung pháp luật hiện hành và các dự án về thị trường các-bon và các-bon xanh tại Việt Nam	12
4.1 Khung pháp lý về biến đổi khí hậu	12
4.2 Thị trường các-bon	19
4.3 Tổng quan về tiêu chuẩn các-bon cho lâm nghiệp và sử dụng đất	21
4.4 Các tiêu chuẩn các-bon áp dụng cho các-bon xanh	22
5 Tiềm năng và thách thức đối với thị trường các-bon nói chung và thị trường các-bon rừng ngập mặn nói riêng	25
5.1 Cơ hội cho thị trường các-bon rừng ngập mặn tại Việt Nam	25
5.2 Thách thức đối với thị trường các-bon rừng ngập mặn ở Việt Nam	25
6 Kết luận và kiến nghị	27
Tài liệu tham khảo	29
Phụ lục. Khung pháp lý chính liên quan đến thanh toán các-bon lâm nghiệp	34

Danh mục bảng và hình

Bảng

1	Các hoạt động quản lý cụ thể ở vùng đất ngập nước ven biển	3
2	Phân bố rừng ngập mặn theo vùng sinh thái ở Việt Nam 2010-2022 (Đơn vị: ha)	4
3	Ước tính trữ lượng và hấp thụ các-bon của các loài cây ngập mặn chính theo vùng sinh thái	5
4	Phương trình dự báo sinh khối cấp khu vực cho các loài cây ngập mặn	6
5	Phương trình ước tính sinh khối trên mặt đất cho một số loài cây ngập mặn ở phía Nam Việt Nam	6
6	Ước tính tiềm năng tích trữ các-bon của rừng ngập mặn	7
7	Phân bố cỏ biển ở Việt Nam	10
8	Các biện pháp giảm phát thải đối với rừng ven biển theo NDC của Việt Nam	12
9	Tóm tắt các chính sách chủ yếu giảm nhẹ biến đổi khí hậu	13
10	Các tác nhân chính tham gia quản lý hệ sinh thái các-bon xanh	17
11	Tiêu chuẩn các-bon chính cho lĩnh vực lâm nghiệp	21
12	Tiêu chuẩn các-bon áp dụng trong các dự án các-bon xanh cho thị trường các-bon tự nguyện	22
13	Các bước và trình tự thực hiện MRV	23

Hình

1	Phân bố thảm cỏ biển ở Việt Nam	8
2	Lộ trình dự kiến phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam	20
3	Quan điểm của các tỉnh ven biển về thuận lợi trong việc thực hiện chi trả các-bon rừng tại Việt Nam	25
4	Góc nhìn của các tỉnh ven biển về thách thức đối với việc vận hành thị trường các-bon rừng tại Việt Nam	26
5	Tình hình triển khai dịch vụ các-bon rừng tại các tỉnh ven biển	26

Danh mục chữ viết tắt

AGB	Sinh khối trên mặt đất
AFOCO	Tổ chức Hợp tác Lâm nghiệp Châu Á
BGB	Sinh khối dưới mặt đất
CDM	Cơ chế phát triển sạch
COP	Hội nghị các Bên tham gia Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu
CO ₂ eq	Lượng các-bon đi-ô-xít tương đương
Corg	Các-bon hữu cơ
ETS	Hệ thống Thương mại phát thải khí nhà kính
FCPF	Quỹ Đối tác Các-bon Lâm nghiệp
CGIAR	Tổ chức tư vấn nghiên cứu nông nghiệp quốc tế
GCF	Quỹ Khí hậu Xanh
GHGs	Khí nhà kính
Gt	Tỷ tấn
IFC	Tập đoàn Tài chính Quốc tế
JI	Cơ chế đồng thực hiện
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
LEAF	Giảm phát thải thông qua tăng cường tài chính lâm nghiệp
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MRV	Đo lường, báo cáo và thẩm định
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MOF	Bộ Tài chính
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
MtCO ₂ eq	Triệu tấn các-bon đi-ô-xít tương đương
NDC	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
REDD+	Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng và bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon rừng
tCO ₂ e	Tấn các-bon đi-ô-xít tương đương
tdm	Vật chất khô
Tg	Teragram (1 Tg bằng 1 tỷ kg)
UN-REDD	Chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất rừng và suy thoái rừng của Liên Hợp Quốc
UNFCCC	Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
USD	Đô la Mỹ
VCS	Tiêu chuẩn các-bon được xác minh
VCM	Thị trường các-bon tự nguyện
VVB	Tổ chức xác minh và thẩm định

Lời cảm ơn

Chúng tôi gửi lời cảm ơn chân thành tới Cơ quan Phát triển Hoa Kỳ (USAID), Cục Tăng trưởng Kinh tế, Giáo dục và Môi trường (E3), Chương trình sáng kiến của CGIAR về Hệ thống lương thực phát thải thấp Quỹ CGIAR Trust Fund, Quỹ UBS Optimus và Palladium đã hỗ trợ cho quá trình thực hiện báo cáo này.

Chúng tôi cũng bày tỏ lời cảm ơn đến tất cả những người tham gia hội thảo và chuyên gia, những người đã đồng ý tham gia vào nghiên cứu và chia sẻ kiến thức của họ về chủ đề này.

Tóm tắt tổng quan

Báo cáo được thực hiện dựa trên đề xuất của Chính phủ Việt Nam, đặc biệt với sự tham gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc cung cấp thông tin về thị trường các-bon nói chung và thị trường các-bon rừng – trọng tâm là thị trường các-bon xanh, nhằm hỗ trợ Chính phủ Việt Nam xây dựng và thực hiện các chính sách, dự án về tín chỉ các-bon xanh chất lượng cao. Báo cáo đánh giá tiềm năng của thị trường các-bon xanh Việt Nam, bao gồm việc đánh giá phát thải các-bon từ rừng ngập mặn, đất ngập nước, thảm cỏ biển, bãi triều; phân tích khung pháp lý hiện nay để làm rõ những cơ hội và thách thức cho thị trường các-bon nói chung, thị trường các-bon xanh nói riêng; và đưa ra những đề xuất, kiến nghị để Việt Nam có thể tiếp cận, vận hành và phát triển thị trường này.

Báo cáo của chúng tôi nhận thấy rằng Việt Nam đang có sự tiến bộ vượt bậc trong việc thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Rừng và hệ sinh thái các-bon từ đất ngập nước tại Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc hấp thụ khí nhà kính và duy trì dịch vụ hệ sinh thái nhằm giảm thiểu những tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt tại các khu vực vùng ven biển. Những chính sách hiện nay của Chính phủ về thị trường các-bon quốc gia đã mở ra nhiều cơ hội cho các nguồn tài chính bổ sung cho ngành lâm nghiệp thông qua cơ chế trao đổi và buôn bán kết quả giảm phát thải và tín chỉ các-bon. Tuy nhiên, việc chưa rõ ràng về hạn ngạch phát thải phân bổ cho các ngành trong việc đưa các hoạt động các-bon rừng và các-bon xanh vào khung pháp lý; chưa rõ ràng về quyền sở hữu các-bon; và năng lực hạn chế trong việc thực hiện các dự án các-bon xanh đã khiến việc xây dựng và thực hiện các hoạt động các-bon xanh tại Việt Nam kém hiệu quả. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam hiện mới chỉ quan tâm tới rừng ngập mặn mà chưa chú trọng tới hai hệ sinh thái quan trọng khác là cỏ biển và bãi triều và do vậy có thể bỏ lỡ tiềm năng lớn trong việc mở rộng nguồn thu từ thị trường các bon xanh, như thúc đẩy bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế địa phương. Hoàn thiện khung pháp lý cũng như xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá hệ sinh thái ven biển và đất ngập nước đầy đủ và cập nhật bao gồm cỏ biển và bãi triều đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc hỗ trợ Việt Nam tham gia và hưởng lợi từ thị trường các bon hệ sinh thái ven biển.

1 Mở đầu

Thị trường các-bon thế giới đã phát triển nhanh chóng kể từ khi Thỏa thuận Paris 2015 được hơn 190 quốc gia ký kết. So với năm 2020, thị trường các-bon tự nguyện năm 2021 tăng khoảng 30% về khối lượng giao dịch và khoảng 60% về giá trị, đánh dấu lần đầu tiên giá trị giao dịch của VCM vượt 1,3 tỷ USD (Forest Trends 2021, World Bank 2022a) dự kiến, nhu cầu về mua bán tín chỉ các-bon ở thị trường các-bon tự nguyện có thể đạt 50 tỷ USD vào năm 2030 (Climate Focus 2021). “Các-bon xanh tại vùng ven biển” có quan hệ mật thiết với các vùng đất ngập nước, bãi triều, cỏ biển và chúng đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc giảm nhẹ biến đổi khí hậu (Nathalie Hilmi và cộng sự 2021). Mặc dù các hệ sinh thái này chỉ chiếm 0,2% hệ sinh thái toàn cầu, nhưng chúng là những “điểm nóng” để lưu trữ các-bon, vì đất ở đây cô lập các-bon nhiều gấp 10 lần hệ sinh thái trên cạn. Ước tính rằng khoảng 0,2~0,24 Gt CO₂eq đang được thải ra hàng năm từ quá trình chuyển đổi và suy thoái của các hệ sinh thái này (IFC 2023). Lượng các-bon thải ra này chiếm từ 3% đến 19% lượng phát thải từ nạn phá rừng trên toàn thế giới, dẫn đến thiệt hại kinh tế từ 6 tỷ đến 42 tỷ USD mỗi năm (IFC 2023). Các khu rừng ngập mặn, bãi triều và cỏ biển trên toàn cầu được ước tính rằng có khả năng bù đắp từ 0,5 đến 1,38 tCO₂eq mỗi năm (IFC 2023). Các-bon xanh cũng nằm trong Thị trường các-bon tự nguyện, tuy vậy, số lượng các dự án các-bon xanh được đăng ký thương mại tín chỉ các-bon còn rất hạn chế. Chỉ khoảng 23 dự án các-bon xanh đang được thực hiện ở toàn cầu và các dự án này chủ yếu liên quan đến phục hồi và bảo tồn rừng ngập mặn. Hầu hết các dự án này tạo ra tín chỉ các-bon hàng năm ở mức dưới 50.000 tCO₂eq và một số ít trên 1 triệu tCO₂eq (IFC 2023). Mặc dù các-bon xanh mang đến những lợi ích như phục hồi và tái tạo hệ sinh thái – những nỗ lực quan trọng để giảm thiểu biến đổi khí hậu, tiềm năng của chúng bị hạn chế bởi

các quy trình định giá và quản trị. Chúng ta cần phải cải cách chính sách ở cả cấp độ toàn cầu và quốc gia để giải quyết những hạn chế trên.

Việt Nam, nơi sở hữu đường bờ biển dài với khoảng 237.482 ha rừng ngập nước, trong đó khoảng 150.000 ha là rừng ngập mặn (Cục Kiểm Lâm 2023), có tiềm năng rất lớn trong thị trường tín chỉ các-bon xanh. Tuy vậy, rừng ngập mặn tại Việt Nam đang phải đối diện với nhiều nguy cơ khác nhau và diện tích rừng ngập mặn đã bị suy giảm nghiêm trọng, từ 405.000 ha vào năm 1943 xuống còn 157.000 ha vào năm 1999 (Đỗ và cộng sự 2005). Là một phần của Đóng góp do Quốc gia tự quyết, Việt Nam hiện đang xây dựng và phát triển thị trường các-bon trong nước và lĩnh vực lâm nghiệp dự kiến sẽ bao gồm các-bon xanh tại vùng ven biển trong thị trường các-bon Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường các-bon lâm nghiệp nói chung và thị trường các-bon xanh ven biển nói riêng còn khá mới đối với các nhà hoạch định chính sách và các bên có liên quan trong việc xây dựng chính sách ở các cấp độ quản lý khác nhau.

Báo cáo được thực hiện dựa trên đề xuất của Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là với sự tham gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc cung cấp thông tin về thị trường các-bon nói chung và thị trường các-bon rừng – trọng tâm là thị trường các-bon xanh, nhằm hỗ trợ Chính phủ Việt Nam xây dựng và thực hiện các chính sách, dự án và tín chỉ các-bon xanh chất lượng cao. Báo cáo gồm 5 phần chính: (i) Giới thiệu khái quát; (ii) Phương pháp nghiên cứu; (iii) Đánh giá tiềm năng của thị trường các-bon xanh tại Việt Nam; (iv) Phân tích khung pháp lý và các dự án hiện nay của thị trường các-bon và thị trường các-bon xanh tại Việt Nam; (v) Kiến nghị, đề xuất phát triển thị trường các-bon xanh tại Việt Nam.